

Số: /2026/QĐST - HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 314/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị B** – Sinh năm: 1982.

Số CCCD: 038182017738.

Địa chỉ: **Thôn N, xã L, tỉnh Thanh Hóa.**

Bị đơn: Anh **Lê Đình C** – Sinh năm: 1979.

Số CCCD: 0038079028296.

Địa chỉ: **Thôn N, xã L, tỉnh Thanh Hóa.**

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2026 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lương Thị B** và anh **Lê Đình C**.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Chị **Lương Thị B** và anh **Lê Đình Chính thống N** thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Chị **Lương Thị B** và anh **Lê Đình C** có 02 (hai) con chung là **Lê Thị Y**, sinh ngày 04/10/2001 và **Lê Đình L**, sinh ngày 21/6/2003. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có sức khỏe lao động bình thường nên chị **B** và anh **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ: Chị **Lương Thị B** và anh **Lê Đình Chính thống N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chị **Lương Thị B** chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **Lương Thị B** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000778 ngày 23/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Xác nhận chị **Lương Thị B** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; hoàn trả cho chị **Lương Thị B** số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại. Anh **Lê Đình C** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Lương Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Công Tuấn